

PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG MOOC TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC MỞ TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

Phạm Văn Tuấn¹, Trần Triệu Hải¹, Nguyễn Thị Kim Dung¹, Phạm Minh Hiếu²

Email: tuanpv.kt@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0007-9593-0452

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1513

Tóm tắt: Chuyển đổi số và nhu cầu học tập suốt đời đưa khóa học trực tuyến mở đại chúng (Massive Open Online Course - MOOC) trở thành một cấu phần của giáo dục mở. Bài viết đánh giá thực trạng phát triển nền tảng MOOC tại Việt Nam so với xu hướng quốc tế, theo khung năm thành tố: chính sách, nền tảng, học liệu, công nhận tín chỉ, người học. Nghiên cứu kết hợp tổng quan tài liệu, phân tích chính sách, thống kê mô tả, kèm nghiên cứu điển hình Trường Đại học Mở Hà Nội. Số người học MOOC toàn cầu (không tính Trung Quốc) tăng từ 0,3 triệu (2011) lên 220 triệu (2021). Việt Nam đã có khung chính sách đầy đủ, từ Quyết định 131/QĐ-TTg đến Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT, cùng nền tảng dùng chung như MOET-MOOC, “Bình dân học vụ số”, nhưng chưa có dữ liệu hoàn thành, công nhận tín chỉ liên thông chưa hoàn thiện, nền tảng còn phân tán. Nền tảng E-learning từ 2008 là lợi thế của Trường để phát triển MOOC, nhưng chưa phải MOOC đúng nghĩa. Nghiên cứu đề xuất lộ trình ba giai đoạn đến 2030, khuyến nghị theo nhóm chủ thể.

Từ khóa: chuyển đổi số giáo dục, đào tạo từ xa, giáo dục mở, khóa học trực tuyến mở đại chúng, tài nguyên giáo dục mở

I. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang tái định hình giáo dục đại học, trong đó khóa học trực tuyến mở đại chúng (Massive Open Online Course - MOOC) là biểu hiện rõ nét của học tập không giới hạn bởi không gian lớp học. Từ ba khóa miễn phí đầu tiên của Đại học Stanford, thu hút hơn 300 nghìn người học năm 2011, số người học MOOC toàn cầu (không tính Trung

Quốc) đã đạt khoảng 220 triệu năm 2021 (Shah, 2021). Cùng tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER), MOOC là cấu phần trung tâm của giáo dục mở, hướng tới mở rộng tiếp cận tri thức, học tập suốt đời (OECD, 2019; UNESCO, 2019).

Tại Việt Nam, khung chính sách hình thành nhanh trong giai đoạn 2022-2026: Quyết định 131/QĐ-TTg (Thủ

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

² Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam

tướng Chính phủ, 2022) ưu tiên nền tảng dạy học trực tuyến mở dùng chung; Quyết định 1117/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2023) phê duyệt chương trình xây dựng nguồn tài nguyên giáo dục mở; Nghị quyết 57-NQ/TW (Bộ Chính trị, 2024) thúc đẩy phong trào “Bình dân học vụ số”; Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026), hiệu lực từ 01/09/2026, lần đầu quy định thống nhất việc khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học.

Tuy nhiên, các nghiên cứu trong nước còn ở mức mô hình khái niệm (Hoàng và cộng sự, 2019; Tô, 2022), chưa tổng hợp số liệu theo khung phân tích rõ ràng, thường đồng nhất MOOC với đào tạo từ xa cấp bằng trên LMS (Learning Management System), dù khác nhau về đối tượng, quy mô, mục tiêu. Bài viết trả lời ba câu hỏi về quy mô, xu hướng MOOC trên thế giới và Việt Nam, thực trạng triển khai tại HOU (Hanoi Open University), và triển vọng đến 2030. Đóng góp gồm khung phân tích năm thành tố cho nền tảng MOOC quốc gia, cập nhật khung chính sách đến Thông tư 61/2026 và khuyến nghị theo nhóm chủ thể.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm MOOC và vị trí của MOOC trong giáo dục mở

MOOC là khóa học trực tuyến cho số lượng lớn người tham dự, truy cập từ bất kỳ đâu có internet, không đòi hỏi điều kiện đầu vào, phần lớn miễn phí (OpenupEd, dẫn theo Tô, 2022). Liyanagunawardena và cộng sự (2013), qua tổng quan 45 công bố giai đoạn 2008-2012, cho biết MOOC xuất hiện năm 2008 gắn với lý thuyết kết nối luận của Siemens (2005), phát triển

theo hai nhánh: cMOOC (MOOC kết nối) nhấn mạnh cộng đồng học tập; xMOOC (MOOC mở rộng) mô phỏng lớp học truyền thống với bài giảng video, kiểm tra số hóa. Tô (2022) cho rằng xMOOC phù hợp hơn với giáo dục đại học.

So với OER - được UNESCO (2019) định nghĩa theo khả năng truy cập, sử dụng lại, điều chỉnh và phân phối lại theo giấy phép mở - MOOC có giảng viên, thời gian bắt đầu, kết thúc xác định, cơ chế đánh giá, thường cấp chứng chỉ (Tô, 2022). MOOC cũng khác đào tạo từ xa cấp bằng, vốn có tuyển sinh, quản lý người học theo chương trình dù dùng chung LMS. Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT (Điều 3) liệt kê khóa học trực tuyến trong tài nguyên giáo dục mở, đặt MOOC vào khung quản lý chung của giáo dục đại học.

2.2. Lược khảo nghiên cứu và khung phân tích

Tô (2022) cho rằng nền tảng quốc gia dùng chung giải quyết tốt hơn vấn đề ngôn ngữ, kiểm soát chất lượng, công nhận tín chỉ và đầu tư trùng lặp so với hệ thống quốc tế. Tỷ lệ hoàn thành MOOC nhìn chung thấp: trung bình 6,5% trên khoảng 43.000 người đăng ký mỗi khóa (Jordan, 2014), từ 0,7% đến 52,1%, trung vị 12,6%, trên 221 khóa (Jordan, 2015); dữ liệu edX của Harvard, MIT cho thấy tỷ lệ này không cải thiện sau sáu năm, trong khi các nền tảng lớn chuyển sang chương trình thạc sĩ trực tuyến (Reich và Ruipérez-Valiente, 2019). Chiam (2016) ghi nhận MOOC mở rộng tiếp cận, giảm chi phí nhưng khó duy trì động lực người học. Trong đào tạo luật, Đặng (2025) cho thấy xu hướng MOOC lấy người học làm trung tâm, kết hợp công cụ số và học theo dự án.

Trong tài liệu rà soát, chưa có nghiên cứu trong nước công bố số liệu định lượng về tỷ lệ hoàn thành hay mức hài lòng với MOOC. Bài viết do đó đề xuất khung phân tích năm thành tố (Bảng 1), tổng hợp từ Khuyến nghị của UNESCO (2019), đề xuất của Tô (2022) và các nghiên cứu về hoàn thành khóa học, dùng tổ chức bằng chứng ở mục IV. So với hai nguồn này, khung có ba điểm khác biệt: (1) tập trung riêng vào MOOC thay vì tài nguyên giáo dục mở nói chung như UNESCO (2019);

(2) tách công nhận tín chỉ (T4) thành thành tố độc lập, phản ánh đặc thù pháp lý khi MOOC tích hợp vào chương trình cấp bằng (Thông tư 61/2026); (3) bổ sung thành tố người học, duy trì tham gia (T5), vận hành hóa bằng chỉ báo tỷ lệ hoàn thành (Jordan, 2014, 2015; Reich và Ruipérez-Valiente, 2019), chưa có trong mô hình Tô (2022). Đóng góp của khung không ở tạo thành tố mới, mà ở tái cấu trúc, vận hành hóa chúng thành công cụ đánh giá cho nền tảng MOOC quốc gia.

Bảng 1. Khung phân tích năm thành tố của nền tảng MOOC quốc gia

Thành tố	Nội dung quan sát	Cơ sở
T1. Chính sách và thể chế	Văn bản quy phạm, cơ quan chủ trì	UNESCO (2019)
T2. Nền tảng và hạ tầng	Nền tảng dùng chung, kết nối, hạ tầng số	Tô (2022)
T3. Học liệu và chất lượng	Chuẩn học liệu, thẩm định, giấy phép mở	UNESCO (2019)
T4. Công nhận tín chỉ	Công nhận, chuyển đổi tín chỉ liên thông	Tô (2022); Reich và Ruipérez-Valiente (2019)
T5. Người học và duy trì tham gia	Quy mô, tỷ lệ hoàn thành	Jordan (2014, 2015)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng cách tiếp cận định tính kết hợp thống kê mô tả, gồm tổng quan tài liệu, phân tích tài liệu chính sách, nghiên cứu trường hợp (Bowen, 2009; Snyder, 2019), phù hợp với chủ đề ở giao điểm của chính sách giáo dục, công nghệ giáo dục và thực tiễn triển khai.

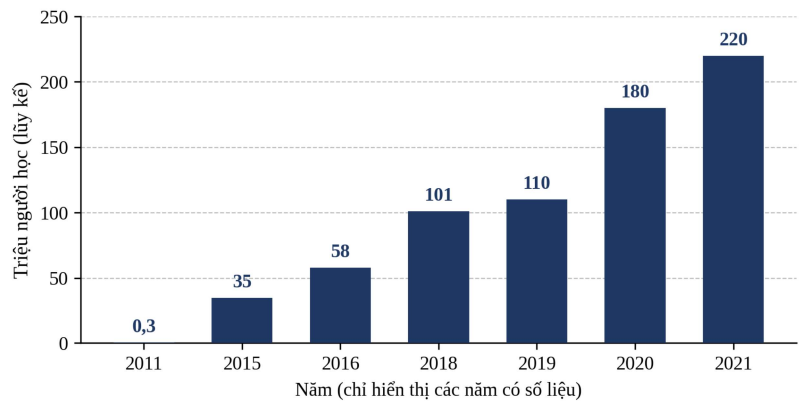
Dữ liệu gồm ba nhóm nguồn: (1) văn bản pháp luật, chính sách của Việt Nam về giáo dục mở và chuyển đổi số giáo dục, mới nhất là Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT ngày 17/07/2026; (2) báo cáo, số liệu vận hành của các nền tảng, cơ sở giáo dục đại học trong nước; (3) báo cáo quốc tế về MOOC, tiêu biểu là chuỗi “By The Numbers: MOOCs” của Class Central. Các nguồn phân ba cấp độ tin cậy: cấp 1 là văn bản pháp quy, số liệu cơ quan quản lý; cấp 2 là báo cáo của

nền tảng, nhà trường, tổ chức nghiên cứu; cấp 3 là báo chí, trang tin thương mại. Kết luận chính dựa trên nguồn cấp 1, 2; số liệu cấp 3 chỉ là chỉ báo tham khảo. Các chỉ số khác đơn vị đo không so sánh trực tiếp. HOU được chọn vì có bề dày đào tạo từ xa, quy mô lớn ở Việt Nam, là thành viên Hiệp hội các trường Đại học Mở Châu Á (AAOU).

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Quy mô và xu hướng nền tảng MOOC trên thế giới

Số người học MOOC toàn cầu (không tính Trung Quốc) tăng từ 0,3 triệu (2011) lên 35 triệu (2015), 101 triệu (2018) và 220 triệu (2021); riêng 2021 có thêm 40 triệu người học mới, thấp hơn 60 triệu của 2020 do đại dịch COVID-19 (Shah, 2018, 2019, 2020, 2021; Hình 1).



Hình 1. Tăng trưởng số người học MOOC toàn cầu (không tính Trung Quốc), 2011-2021

Nguồn: Tổng hợp từ Shah (2018, 2019, 2020, 2021)

Tăng trưởng số đăng ký chưa đồng nghĩa hiệu quả học tập: tỷ lệ hoàn thành vẫn thấp (Jordan, 2014, 2015), các nền tảng lớn dịch chuyển sang chương trình cấp bằng (Reich và Ruipérez-Valiente,

2019). Coursera, edX dẫn đầu quy mô (Bảng 2); SWAYAM (Ấn Độ) - nền tảng quốc gia có cơ chế quy đổi tín chỉ - đạt hơn 21 triệu lượt đăng ký (Class Central, 2026).

Bảng 2. Quy mô một số nền tảng MOOC lớn trên thế giới (2025-2026)

Nền tảng	Quốc gia	Số người học lũy kế	Số khóa học	Số đối tác
Coursera	Hoa Kỳ	> 205 triệu	> 16.000	> 370
edX	Hoa Kỳ	> 86 triệu	> 6.000	> 260
XuetangX	Trung Quốc	> 80 triệu (2021)	> 5.000	-
SWAYAM	Ấn Độ	> 21 triệu	2.253	203
FutureLearn	Anh	~ 17 triệu	-	-

Nguồn: Class Central (2026). Số người học là số tài khoản đăng ký lũy kế, có thể trùng lặp giữa các nền tảng

Tại Việt Nam, thị trường do các nền tảng lớn của Hoa Kỳ, Trung Quốc chi phối đặt rào cản ngôn ngữ và mức phù hợp nội dung (Tô, 2022); SWAYAM cho thấy hạ tầng dùng chung và quy đổi tín chỉ có thể tạo quy mô hàng chục triệu người học.

4.2. Khung chính sách và các nền tảng MOOC tại Việt Nam

Khung chính sách của Việt Nam theo hướng nền tảng dùng chung do

Nhà nước chủ trì, tương tự khuyến nghị của Tô (2022) (Bảng 3). Từ 10/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) cùng các trường đại học khởi động MOET-MOOC: 7 nhóm ngành do 7 cơ sở đại học chủ trì xây dựng, chia sẻ học liệu, hướng tới sinh viên trường này học chương trình trường khác, công nhận tín chỉ lẫn nhau (Vietnam+, 2023).

Bảng 3. Các mốc chính sách về giáo dục mở và nền tảng MOOC tại Việt Nam, 2022-2026

Thời gian	Văn bản / sự kiện	Nội dung chính
01/2022	Quyết định 131/QĐ-TTg	Đề án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục đến 2030
09/2023	Quyết định 1117/QĐ-TTg	Xây dựng nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học

Thời gian	Văn bản / sự kiện	Nội dung chính
10/2023	Nền tảng MOET-MOOC	Bộ GDĐT, các trường xây dựng nền tảng dùng chung theo 7 nhóm ngành
12/2023	Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT	Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học
12/2024	Nghị quyết 57-NQ/TW	Đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia
03/2025	“Bình dân học vụ số”	Phát động ngày 26/03/2025, vận hành từ 01/04/2025
07/2026	Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT	Hiệu lực từ 01/09/2026; quy định khai thác tài nguyên giáo dục mở, Công quốc gia

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Thủ tướng Chính phủ (2022, 2023); Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023, 2026); Bộ Chính trị (2024); Chính phủ (2025); Vietnam+ (2023)

Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT hoàn thiện khung này ở ba điểm: liệt kê khóa học trực tuyến trong tài nguyên giáo dục mở (Điều 3); cho phép dùng làm học liệu chính thức trong chương trình cấp văn bằng, kể cả công nhận, chuyển đổi tín chỉ theo quy chế từng trường (Điều 7, 9); yêu cầu mỗi cơ sở kết nối Cổng tài nguyên giáo dục mở quốc gia do Bộ GDĐT vận hành (Điều 7, 11, 12). Kế hoạch 1919/KH-BGDĐT đặt mốc kho dữ liệu trên 300 giáo trình giai đoạn 2024-2026, trên 600

giai đoạn 2027-2030 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024).

Bảng 4 phân nền tảng công nghệ thành ba nhóm theo mục tiêu, đối tượng; chỉ hai nhóm đầu là MOOC nghĩa hẹp. “Bình dân học vụ số” do Bộ Công an phối hợp Trường Đại học Bách khoa Hà Nội xây dựng (Chính phủ, 2025); đến cuối 3/2026, nền tảng có 87 khóa học, hơn 1,44 triệu lượt học viên (VietnamNet, 2026) - là số lượt học, chưa phải số người hoàn thành.

Bảng 4. Ba nhóm nền tảng học trực tuyến mở tại Việt Nam

Nhóm nền tảng	Ví dụ	Đối tượng	Mục tiêu và quy mô
MOOC phổ cập kỹ năng số	“Bình dân học vụ số”	Toàn dân	87 khóa học, hơn 1,44 triệu lượt học viên (đến 03/2026)
MOOC dùng chung bậc đại học	MOET-MOOC	Sinh viên các trường tham gia	Chia sẻ học liệu, hướng tới công nhận tín chỉ lẫn nhau
Đào tạo từ xa cấp bằng	EHO (HOU)	Người đi làm từ 21 đến 60 tuổi, có tuyển sinh	100% trực tuyến từ 2008; hơn 20.000 sinh viên

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Chính phủ (2025); VietnamNet (2026); Vietnam+ (2023); EHO (2026)

4.3. Nghiên cứu điển hình: Nền tảng đào tạo từ xa của Trường Đại học Mở Hà Nội

HOU tiền thân là Viện Đại học Mở Hà Nội, thành lập ngày 03/11/1993 theo Quyết định 535-TTg, với các loại hình đào tạo từ xa, tại chỗ (Thủ tướng Chính phủ, 1993). Hệ đào tạo trực tuyến (E-learning), viết tắt EHO, khai giảng khóa đầu năm 2008 cho người học 21-60 tuổi, chủ yếu đang đi làm; toàn bộ học trên LMS theo

Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT. Hiện HOU có hơn 20.000 sinh viên hệ từ xa, hơn 15.000 sinh viên tốt nghiệp lũy kế, 18 ngành đại học, 8 chuyên ngành thạc sĩ, 1 chuyên ngành tiến sĩ (EHO, 2026).

Chiến lược phát triển HOU 2017-2026 (sửa đổi 2021) đặt mục tiêu phát triển MOOC, tài nguyên giáo dục mở, chia sẻ với các trường đại học mở trong khu vực, còn Kế hoạch trung hạn 2021-2025 yêu cầu 100% học phần trực tuyến

có học liệu điện tử (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2021a, 2021b).

EHOU là đào tạo cấp bằng có tuyển sinh, chưa phải MOOC theo nghĩa mở, đại chúng. Tuy vậy, HOU có ba lợi thế phát triển MOOC: sứ mạng, cơ sở pháp lý ổn định từ 1993; 18 năm vận hành LMS; mạng lưới hợp tác khu vực qua AAOU. Để chuyển hóa, Trường cần tách một số học phần thành khóa mở theo chuẩn học liệu, công nhận kết quả khóa mở vào chương trình cấp bằng (Thông tư 61/2026, Điều 7, 9) và kết nối nền tảng với Cổng quốc gia.

4.4. *Đánh giá theo khung phân tích và thảo luận*

Theo khung năm thành tố (Bảng 5), Việt Nam mạnh ở chính sách, đang hoàn thiện ở ba thành tố giữa, còn thiếu bằng chứng đo lường ở người học. Ba mức đánh giá áp dụng theo tiêu chí: “Đã hình thành” - có văn bản quy phạm pháp luật hoặc nền tảng chính thức vận hành ổn định toàn quốc; “Đang hoàn thiện” - có khung pháp lý hoặc nền tảng kỹ thuật ban đầu nhưng thiếu chuẩn kỹ thuật thống nhất, đang thí điểm hoặc chưa đồng bộ; “Còn hạn chế” - thiếu dữ liệu đo lường, công cụ theo dõi hoặc mới ở giai đoạn đầu.

Bảng 5. Đánh giá thực trạng phát triển nền tảng MOOC tại Việt Nam theo năm thành tố

Thành tố	Bằng chứng tại Việt Nam	Mức độ
T1. Chính sách và thể chế	Quyết định 131, 1117; Thông tư 28/2023, 61/2026; Luật Giáo dục đại học 2025	Đã hình thành
T2. Nền tảng và hạ tầng	84,2% dân số dùng internet; MOET-MOOC đang xây dựng; nền tảng còn phân tán	Đang hoàn thiện
T3. Học liệu và chất lượng	Thông tư 61/2026 quy định thẩm định, giấy phép mở; chưa số liệu về nguồn lực biên soạn	Đang hoàn thiện
T4. Công nhận tín chỉ	Thông tư 61/2026 cho phép công nhận theo quy chế từng trường; chưa chuẩn liên thông	Đang hoàn thiện
T5. Người học và duy trì tham gia	Có số lượt học nhưng chưa dữ liệu tỷ lệ hoàn thành	Còn hạn chế

Nguồn: *Đánh giá định tính của tác giả từ kết quả mục 4.1-4.3*

Để làm rõ khoảng cách với một nền tảng quốc gia tham chiếu, Bảng 6 đối sánh Việt Nam với SWAYAM (Ấn Độ) - nền tảng MOOC quốc gia do Bộ Giáo

dục Ấn Độ vận hành, với quy chế tín chỉ do Ủy ban Tài trợ Đại học Ấn Độ (UGC) ban hành - theo từng thành tố của khung phân tích.

Bảng 6. Đối sánh Việt Nam và SWAYAM (Ấn Độ) theo khung năm thành tố

Thành tố	Việt Nam	SWAYAM (Ấn Độ)
T1. Chính sách và thể chế	Quyết định 131/QĐ-TTg, 1117/QĐ-TTg, Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT do Bộ GDĐT chủ trì	Quy chế UGC (2021) về tín chỉ khóa trực tuyến SWAYAM, do Bộ Giáo dục Ấn Độ chủ trì
T2. Nền tảng và hạ tầng	MOET-MOOC đang xây dựng theo 7 nhóm ngành; còn phân tán, chưa kết nối đầy đủ Cổng quốc gia	Nền tảng tập trung, do 10 cơ quan quốc gia (NPTEL, UGC, CEC, IGNOU, IIMB...) điều phối theo ngành
T3. Học liệu và chất lượng	Thông tư 61/2026 quy định thẩm định, giấy phép mở; chưa có số liệu về nguồn lực biên soạn	Mỗi khóa chuẩn hóa 4 câu phần (video, tài liệu, tự đánh giá, diễn đàn); 10 cơ quan kiểm soát chất lượng

Thành tố	Việt Nam	SWAYAM (Ấn Độ)
T4. Công nhận tín chỉ	Thông tư 61/2026 cho phép công nhận theo quy chế từng trường; chưa chuẩn liên thông toàn quốc	Quy chế UGC (2021) công nhận tới 40% tín chỉ chương trình qua SWAYAM; khoảng 415 trường đã áp dụng
T5. Người học và duy trì tham gia	Có số lượt học (1,44 triệu lượt trên “Bình dân học vụ số”); chưa đủ liệu tỷ lệ hoàn thành	Hơn 21 triệu lượt đăng ký lũy kế, nhưng chỉ 15-20% sinh viên thực sự chọn khóa trực tuyến trong chương trình

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ UGC (2021); SWAYAM (2026); Chettri (2026); Class Central (2026)

Kết quả phù hợp với nhận định của Tô (2022) về lợi thế của nền tảng quốc gia dùng chung, bổ sung ba điểm. Thứ nhất, Thông tư 61/2026 tạo điều kiện pháp lý cho công nhận tín chỉ, nhưng thực thi cần chuẩn kỹ thuật, quy chế liên thông; SWAYAM đã vận hành cơ chế này, công nhận tới 40% tín chỉ chương trình qua khóa trực tuyến (UGC, 2021; Bảng 6). Thứ hai, các nghiên cứu quốc tế dùng tỷ lệ hoàn thành làm chỉ báo trung tâm (Jordan, 2014, 2015), trong khi Việt Nam mới công bố số lượt học, chưa phản ánh hiệu quả học tập. Thứ ba, xu hướng gắn MOOC với chương trình cấp bằng (Reich và Ruipérez-Valiente, 2019) là cơ hội cho các trường có kinh nghiệm đào tạo từ xa như HOU, với điều kiện phân biệt rõ khóa mở, chương trình cấp bằng.

Nghiên cứu có ba hạn chế: dữ liệu thứ cấp không đồng nhất về đơn vị đo, thời điểm; chưa khảo sát người học, giảng viên; MOET-MOOC và Công quốc gia chưa có báo cáo vận hành độc lập, nên Bảng 5 chỉ là đánh giá định tính.

Bảng 7. Khuyến nghị phát triển nền tảng MOOC theo nhóm chủ thể

Nhóm chủ thể	Khuyến nghị
Cơ quan quản lý nhà nước (Bộ GDĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ)	Vận hành Công quốc gia, ban hành chuẩn dữ liệu, kết nối MOET-MOOC, “Bình dân học vụ số”, nền tảng các trường (Thông tư 61/2026, Điều 12); công bố định kỳ số liệu, tỷ lệ hoàn thành
Các trường đại học (đặc biệt các trường đại học mở)	Kết nối nền tảng với Công quốc gia; chuyển một số học phần thành khóa MOOC; công nhận kết quả khóa mở; theo dõi tỷ lệ hoàn thành bằng phân tích học tập
Doanh nghiệp công nghệ	Nâng cấp hạ tầng, an toàn thông tin khi mở rộng quy mô; hỗ trợ cá nhân hóa lộ trình học
Người học và người lao động	Chủ động khai thác nền tảng hiện có để nâng cao năng lực số; tích lũy chứng chỉ, tín chỉ phục vụ học tập suốt đời

Nguồn: Đề xuất của tác giả trên cơ sở kết quả nghiên cứu

V. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu đã hệ thống hóa thực trạng phát triển nền tảng MOOC tại Việt Nam theo khung năm thành tố, với ba kết luận: (1) số người học MOOC toàn cầu tăng nhanh nhưng tỷ lệ hoàn thành thấp, còn SWAYAM cho thấy vai trò đầu tư công dùng chung; (2) Việt Nam đã có khung chính sách tương đối đầy đủ đến Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT, nhưng hệ sinh thái còn phân tán, chưa có dữ liệu hoàn thành, cơ chế công nhận tín chỉ liên thông chưa hoàn thiện; (3) HOU có nền tảng LMS 18 năm, định hướng chiến lược MOOC, nhưng EHOUC chưa phải MOOC đúng nghĩa.

Nghiên cứu đề xuất lộ trình ba giai đoạn đến 2030: (1) 2026-2027, hoàn thiện chuẩn kỹ thuật, kết nối nền tảng các trường với Công quốc gia, công bố chỉ số vận hành; (2) 2028-2029, thí điểm công nhận tín chỉ liên thông theo nhóm ngành trên MOET-MOOC, mở rộng khóa MOOC của các trường mở; (3) 2030, đánh giá tỷ lệ hoàn thành, hiệu quả, điều chỉnh chính sách. Khuyến nghị theo nhóm chủ thể tóm tắt ở Bảng 7.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào đánh giá, cá nhân hóa học tập trên nền tảng MOOC (Tô, 2022) cần tuân thủ yêu cầu minh bạch với nội dung do AI tạo ra (Thông tư 61/2026, Điều 8). Các nghiên cứu tiếp theo nên khảo sát định lượng tỷ lệ hoàn thành, mức chấp nhận, tác động của MOOC đến năng lực người học.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). *Kế hoạch số 1919/KH-BGDĐT triển khai Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 25/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học” giai đoạn 2025-2030*. LuậtVietnam. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/ke-hoach-1919-kh-bgddt-2024-trien-khai-quyet-dinh-1117-qd-ttg-ngay-25-9-2023-382505-d6.html>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). *Thông tư số 61/2026/TT-BGDĐT ngày 17/07/2026 quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học*. LuậtVietnam. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-61-2026-tt-bgddt-khai-thac-va-su-dung-tai-nguyen-giao-duc-mo-trong-dai-hoc-441040-d1.html> [1]
- Bowen, G. A. (2009). Document analysis as a qualitative research method. *Qualitative Research Journal*, 9(2), 27-40. <https://doi.org/10.3316/QRJ0902027>
- Chettri, S. (2026, April 3). 415 universities offer SWAYAM, NPTEL online courses, but UGC’s credit transfer scheme finds few takers. *Careers360*. <https://news.careers360.com/swayam-nptel-portal-ugc-online-mooc-course-university-credit-transfer-coursera-udemy-few-takers-nta-naac-du-manav-rachna-higher-ed>
- Chiam, C. C. (2016). Benefits and challenges of massive open online courses. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 8(1), 16-23. <https://ajodl.oum.edu.my/volume-8-no-1-2016/>
- Chính phủ. (2025, March 26). *Thủ tướng phát động phong trào “Bình dân học vụ số” toàn dân*. Cổng Thông tin Điện tử Chính phủ. <https://baohinhphu.vn/thu-tuong-phat-dong-phong-trao-binh-dan-hoc-vu-so-toan-dan-102250326173839409.htm> [1]
- Class Central. (2026). *Massive list of MOOC platforms around the world in 2026*. <https://www.classcentral.com/report/mooc-platforms/>
- Đăng, H. Đ. (2025). Xu hướng đổi mới sư phạm trong các khóa học trực tuyến mở đại chúng về luật đang thịnh hành toàn cầu: Phân tích và bài học kinh nghiệm. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (Số đặc biệt 9A). <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.1063>
- EHOU - Viện Đào tạo và Phát triển học tập suốt đời, Trường Đại học Mở Hà Nội. (2026). *Tuyển sinh đại học trực tuyến*. <https://tuyensinh.ehou.edu.vn/>
- Hoàng, T. M. A., Hoàng, A. T., Phạm, N. D., & Nguyễn, H. G. (2019). Mô hình MOOC - Xu hướng phát triển giáo dục số hiện đại. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (19), 10-15.
- Jordan, K. (2014). Initial trends in enrolment and completion of massive open online courses. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 15(1), 133-160. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v15i1.1651>
- Jordan, K. (2015). Massive open online course completion rates revisited: Assessment, length and attrition. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 16(3), 341-358. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v16i3.2112>

- Liyanagunawardena, T. R., Adams, A. A., & Williams, S. A. (2013). MOOCs: A systematic study of the published literature 2008-2012. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 14(3), 202-227. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v14i3.1455>
- OECD. (2019). *OECD skills outlook 2019: Thriving in a digital world*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/df80bc12-en>
- Quốc hội. (2025). *Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025*.
- Reich, J., & Ruipérez-Valiente, J. A. (2019). The MOOC pivot. *Science*, 363(6423), 130-131. <https://doi.org/10.1126/science.aav7958>
- Shah, D. (2018). *By the numbers: MOOCs in 2018*. Class Central. <https://classcentral.com/report/?p=68062>
- Shah, D. (2019). *By the numbers: MOOCs in 2019*. Class Central. <https://classcentral.com/report/?p=69793>
- Shah, D. (2020). *By the numbers: MOOCs in 2020*. Class Central. <https://classcentral.com/report/mooc-stats-2020/>
- Shah, D. (2021). *By the numbers: MOOCs in 2021*. Class Central. <https://classcentral.com/report/?p=77158>
- Siemens, G. (2005). Connectivism: A learning theory for the digital age. *International Journal of Instructional Technology and Distance Learning*, 2(1), 3-10.
- Snyder, H. (2019). Literature review as a research methodology: An overview and guidelines. *Journal of Business Research*, 104, 333-339. <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2019.07.039>
- SWAYAM - Bộ Giáo dục Ấn Độ. (2026). *About SWAYAM*. <https://swayam.gov.in/about>
- Thủ tướng Chính phủ. (1993). *Quyết định số 535-TTg ngày 03/11/1993 về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội*. LuậtVietnam. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/quyet-dinh-535-ttg-thu-tuong-chinh-phu-2750-d1.html>
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2023). *Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 25/09/2023 phê duyệt Chương trình xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở*. Cổng Thông tin Điện tử Chính phủ. <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=0&docid=208699&pageid=27160>
- Tô, H. N. (2022). Xây dựng mô hình MOOC cho giáo dục đại học Việt Nam. *Tạp chí Thông tin và Truyền thông*, (9), 10-15. <https://vjst.vn/xay-dung-mo-hinh-mooc-cho-giao-duc-dai-hoc-viet-nam-53490.html>
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2021a). *Quyết định số 4505/QĐ-ĐHM ngày 10/09/2021 ban hành Kế hoạch phát triển trung hạn giai đoạn 2021-2025*.
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2021b). *Quyết định số 5989/QĐ-ĐHM ngày 28/12/2021 sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2026*.
- UNESCO. (2019). *Recommendation on open educational resources (OER)*. <https://www.unesco.org/en/legal-affairs/recommendation-open-educational-resources-oer>
- University Grants Commission - Ấn Độ. (2021). *Credit Framework for Online Learning Courses through SWAYAM Regulations, 2021*. LegitQuest. <https://www.legitquest.com/act/university-grants-commission-credit-framework-for-online-learning-courses-through-study-webs-of-active-learning-for-young-aspiring-minds-regulations-2021/CB8E>
- Vietnam+. (2023, October 6). *Xây dựng nền tảng đào tạo trực tuyến mở dùng chung ở bậc đại học*. <https://www.vietnamplus.vn/xay-dung-nen-tang-dao-tao-truc-tuyen-mo-dung-chung-o-bac-dai-hoc-post900573.vnp>
- VietnamNet. (2026). *Phổ cập tri thức chuyển đổi số cho người dân qua nền tảng “Bình dân học vụ số”*. <https://vietnamnet.vn/pho-cap-tri-thuc-chuyen-doi-so-cho-nguoi-dan-qua-nen-tang-binh-dan-hoc-vu-so-2506455.html>

DEVELOPING MOOC PLATFORMS IN VIETNAM'S OPEN EDUCATION SYSTEM: CURRENT SITUATION AND PROSPECTS

Pham Van Tuan¹, Tran Trieu Hai¹, Nguyen Thi Kim Dung¹, Pham Minh Hieu²

Abstract: *Digital transformation and the growing demand for lifelong learning are turning massive open online course (MOOC) platforms into a component of open education. This paper assesses the development of MOOC platforms in Vietnam against international trends, using a five-component framework: policy, platform, learning content, credit recognition, and learners. The study combines a literature review, policy analysis and descriptive statistics, with a case study of Hanoi Open University. The number of MOOC learners worldwide (excluding China) grew from about 0.3 million in 2011 to 220 million in 2021. Vietnam has a relatively complete policy framework, from Decision No. 131/QĐ-TTg to Circular No. 61/2026/TT-BGDĐT, with shared platforms such as MOET-MOOC and the “Digital Literacy for All” platform; however, completion-rate data remain unpublished, cross-institutional credit recognition is incomplete, and platforms are fragmented. The E-learning platform of Hanoi Open University, operating since 2008, is an advantage for developing MOOCs but is not yet a MOOC in the strict sense. The paper proposes a three-phase roadmap to 2030, recommendations for each stakeholder group.*

Keywords: *digital transformation in education, distance education, MOOC, open education, open educational resources*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam

² National Economics University, Hanoi, Vietnam